TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DS-PT
Ngày: 10/5/2022
V/v tranh chấp di sản thừa kế
và hủy quyết định cá biệt

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán:Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa:Ông Phạm Thành Trung- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:Bà Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sựthụ lý số 50/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc "tranh chấp di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt" do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 08 tháng7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3486/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H;sinh năm 1963;

Trú tại: Xóm 3, xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H: Bà Lê Thị Kim S; có mặt.

Trú tại: Tổ 10, khối 15, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L;sinh năm 1968.

Trú tại: Hẻm 29/12, đường PVD, phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - VT; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà Phan Thị T;sinh năm 1951; có mặt.

- Bà Phan Thị C; sinh năm 1950; vắng mặt, bà C ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng T1.

Đều trú tại: Xóm 5, xã VT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C và bà T: Ông Nguyễn Thức G – Luật sư văn phòng luật sư TT; có mặt.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Phù Thị M;sinh năm 1927; vắng mặt. Cụ M ủy quyền cho bà Lê Thị Kim S; có mặt.

- Bà Phan Thị L;sinh năm 1970; có mặt.

- Ông Vũ Văn M1; sinh năm 1970; có mặt.

Ông M1 ủy quyền cho vợ là bà Phan Thị L; có mặt.

Đều trú tại: Xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

- Bà Phan Thị T3;sinh năm 1961; có mặt.

Trú tại: Số 35, đường NT, phường NY, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Vũ Văn L2; sinh năm 1965; Trú tại: Hẻm 29/12, đường PVD, phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - VT;vắng mặt. Ông L2 uỷ quyền cho bà L; có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Hữu A - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Kim S trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Phù Thị M và cụ Phan Văn D có tất cả 06 người con gồm: Phan Thị L, Phan Thị H, Phan Thị T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị L. Trong quá trình sống với nhau bố mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất diện tích 890,5m^2 và ngôi nhà ba gian lợp ngói tại xóm 01, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Năm 1985, bố bà qua đời không để lại di chúc;sau khi bố bà qua đời thì mẹ bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Ngày 09/12/2009, UBND huyện YT đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A048583 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04

có diện tích 890,5m^2 địa chỉ xóm 01 thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên Phù Thị M. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mọi người trong gia đình đều thống nhất để cho Phan Thị L 445m^2 đất trống để sinh sống ổn định lâu dài và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà L đã làm nhà ở cùng các công trình phụ, ốt kinh doanh kiên cố trên cả diện tích đất; diện tích 445,5m^2 đất còn lại và căn nhà ba gian để mẹ bà sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, ngày 15/7/2011 mẹ bà là Phù Thị M lúc này đã già yếu nên đã bị các con là Phan Thị T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị L lừa dối, tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho Phan Thị L 263,9m^2 đất trong phần diện tích mà mẹ bà đang ở, phần còn lại làm giấy chứng nhận cho mẹ bà;cuộc họp này không có sự tham gia của bà và bà Phan Thị L. Căn cứ vào nội dung biên bản cuộc họp,bà Phan Thị L đã làm thủ tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT mang tên Phan Thị L.

Tháng 7 năm 2018, bà đưa nguyên vật liệu về để xây dựng nhà thờ theo nguyện vọng của mẹ bà nhưng khi mới xây được móng nhà thờ thì bà Phan Thị L ngăn cản và nói đó là đất của bà ấy thì bà mới được biết trên diện tích đất mà bố bà để lại đã được chia ra thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần chính giữa, vuông vắn mang tên Phan Thị L, còn phần xẹo một góc xung quanh là công trình phụ, chuồng gà, nhà vệ sinh của hàng xóm thì mang tên mẹ bà. Diện tích 445,5m^2 đất trên là phần di sản của bố bà trong khối tài sản chung với mẹ là Phù Thị M, mọi người trong gia đình thống nhất diện tích đất này để mẹ sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, mẹ bà bị các chị em trong gia đình bà lừa dối đã tự ý cho Phan Thị L 263,9m^2 đất mà không hỏi ý kiến của bà và bà Phan Thị L; vì vậy, bà làm đơn gửi đến Tòa yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bố bà để lại là diện tích 445,5m^2 và ngôi nhà cấp bốn có địa chỉ xóm 01 thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT mang tên Phan Thị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị H là bà Lê Thị Kim S rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với ngôi nhà cấp bốn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các nội dung còn lại.

Bị đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bố mẹ đẻ của cha bà mất sớm lúc cha bà còn nhỏ;trước lúc lấy mẹ bà, cha bà đã có vợ cả, vợ cả bị bệnh rồi mất sau đó mới lấy mẹ bà. Cha bà là Phan Văn D mất tháng 04/1985, cha mất không để lại di chúc. Mẹ là Phù Thị M năm nay

92 tuổi, tài sản bao gồm ngôi nhà ngói, đồ đạc và mảnh đất với diện tích là: 890,5m^2 có địa chỉ tại xóm 1 Thị trấn YT Tỉnh Nghệ An. Nhà bà có 06 chị em gái gồm: Phan Thị T, Phan Thị Chiên, Phan Thị T3, Phan Thị H, Phan Thị L, Phan Thị L.

Năm 2010, gia đình bà có họp gia đình với nội dung về đất đai;ai phụng dưỡng mẹ tốt thì cho 1 nửa nhưng khi mẹ mất mới được sang tên vì tránh sau này đối xử không tốt với mẹ;còn lại 1 nửa ai khó khăn nghèo đói thì về ở và làm nhà thờ. Vì tin tưởng là chị em trong nhà cho nên để biên bản họp gia đình cho bà Phan Thị L giữ;nhưng năm sau về hỏi biên bản thì bà L bảo xé rồi. Tìm hiểu bà mới biết bà L cùng chồng là M1 đã bí mật làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1 nửa đất (1/2 của 890.5m^2 diện tích đất) (gồm 2 mặt tiền) mà chị em bà không ai hay biết. Bà không nhất trí và có làm đơn khiếu kiện nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, công việc làm ăn phải đi xa nhà nên bà chưa kiện được.

Năm 2011, gia đình bà có tổ chức buổi họp gia đình mời chú Thắng em cha, ông Yêm là xóm trưởng cùng bí thư là anh Lai đến dự, cùng 05 chị em trong nhà đến họp tại nhà bà Phan Thị L.Trước cuộc họp chị em bà có gọi cho Phan Thị H đang ở bên Lào về họp để bàn chuyện đất đai, đã bật loa ngoài cho tất cả mọi người đều nghe. Bà H nói: "Mấy chị làm sao thì làm chứ em không lấy đất đâu". Trong cuộc họp mẹ tôi tuyên bố cho con Phan Thị L đất vì L nghèo, chưa có nhà ở và mẹ cũng đã vào Nam thăm vợ chồng bà, tất cả mọi người đều nhất trí kí vào biên bản họp cho bà, riêng Phan Thị L không kí. Sau buổi họp chị Phan Thị C và tôi là Phan Thị L chở mẹ Phù Thị M lên Ủy ban nhân dân làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;khi làm thủ tục Ủy ban có hỏi mẹ tôi 3 lần là Bà có đồng ý cho con là Phan Thị L đất không? Cả 3 lần bà đều khẳng định nói: "Tôi cho con L". Sau 01 năm không có bất cứ kiện cáo hay tranh chấp của gia đình bố mẹ, chị em trong nhà. Đến năm 2012, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L với diện tích là 263,9m^2 và còn lại diện tích làm nhà thờ đứng tên mẹ Phù Thị M là 181,6m^2.

Đến đầu năm 2018, bà H gửi đơn kiện lên UBND huyện YT đề nghị UBND huyện YT thu hồi và hủy bỏ giấy tờ đất của Phan Thị L. UBND huyện đã gửi giấy phản hồi cho bà H, việc cấp đất cho bà L là hoàn toàn đúng và giữ nguyên kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 (có chứng cứ kèm theo). Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phan Thị L được 1 nửa đất; làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi, nhưng không có mặt, chữ kí, sự nhất trí của tất cả các chị em trong gia đình thì không thấy bà Phan Thị H kiện cáo gì.

Trong năm 2018, vợ chồng bà Phan Thị L cũng đã xây nhà lấn chiếm gần 1m dài đất trên phần đất của bà. Đến cuối năm 2018, bà Phan Thị H đã đưa tiền cho bà Phan Thị L cùng chồng là M1 xây dựng bất hợp pháp trên phần đất bà đã đóng thuế nhà nước được 8 năm mà không hỏi han, không được sự cho phép, sự

đồng ý của bà. Lúc đó bà có làm đơn nhờ Ủy ban nhân dân thị trấn can thiệp thì bà Phan Thị L và Phan Thị H vẫn không ngừng thi công, cứ bảo mẹ bà là Phù Thị M đòi đất lại để xây nhà trong khi mẹ bà không biết gì. Để bảo vệ quyền lợi và tài sản của mình bà đã làm hồ sơ xin giấy phép xây dựng để làm quán giữ đất. Giấy phép xây dựng đã có ngày 25/7/2018, bà đã nhận được, nhưng sau đó Ủy ban huyện bắt thu lại giấy phép. Nay Phan Thị H tiếp tục khởi kiện đề nghịhuỷgiấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là Phan Thị L; nếu huỷgiấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà thì phải huỷgiấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcủa Phan Thị L và của mẹ Phù Thị M, vì khi chuyển tên cho mẹ các con không có ai kí. Huỷ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia lại theo luật thừa kế của pháp luật thì bà đồng ý; đây là mảnh đất hương hỏa của ông bà nội để lại, ông bà nội mất khi cha chưa lấy vợ; vậy đây, là tài sản riêng của cha nên theo luật thừa kế thì toàn bộ mảnh đất 890,5m^2 phải chia 07 phần (bao gồm mẹ và 6 người con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L trình bày:

Bà L thống nhất như ý kiến trong nội dung đơn khởi kiện của bà Phan Thị H về các yêu cầu:

Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bố bà để lại là diện tích 445,5m^2 và ngôi nhà cấp bốn có địa chỉ xóm 01 thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT mang tên Phan Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T3 trình bày:

Bà thống nhất như ý kiến trình bày của bà Phan Thị L;nếu bà Phan Thị H tiếp tục khởi kiện lên Tòa án đề nghị huỷ sổđỏbà Phan Thị L, thì phải huỷ sổ đỏcủa Phan Thị L, đồng thời huỷsổ đỏcủa mẹ Phù Thị M. Yêu cầu huỷ cả ba sổ đỏchia lại theo luật thừa kế của pháp luật;đây là mảnh đất hương hỏa của ông bà nội để lại; mà ông bà nội mất khi cha chưa lấy vợ. Do đó, là tài sản riêng của cha nên theo luật thừa kế thì toàn bộ diện tích đất 890,5m^2 phải chia 07 phần (gồm mẹ và 06 người con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị T, bà Phan Thị Ctrình bày:

Hai bà thống nhất như ý kiến của bà L, đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 9/12/2009 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 890,5 m^2 mang tên bà Phù Thị M.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 3/7/2012 tại thửa 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 263,9m^2 mang tên bà Phan Thị L.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 445,5m^2 mang tên bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1.

Yêu cầu chia thừa kế theo luật thừa kế thì toàn bộ mảnh đất 890,5m^2 phải chia 07 phần (bao gồm mẹ và 06 người con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện YT, tỉnh Nghệ An trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất này nguyên là đất thổ cư của cha đẻ, mẹ đẻ của bà H, bà L. Vợ chồng cụ M sinh ra được 06 người con gồm các bà Phan Thị T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị H, Phan Thị L và Phan Thị L. Chồng cụ M chết năm 1985, trước khi chết không để lại di chúc thừa kế kỷ phần đất trên cho ai; Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M thực hiện theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP;căn cứ khoản 6 Điều 43 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP quy định về ghi tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể đối với trường hợp nhiều người sử dụng đất có quyền sử dụng chung thửa đất thì ghi tên tất cả những người sử dụng đất đó. Căn cứ điều khoản hướng dẫn thực hiện Điều 43 Nghị định số181/2004/NĐ-CP tại Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005, cụ thể trường hợp nhiều người thuộc hàng thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật khi đã xác định được đầy đủ tất cả mọi người được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật thì phải ghi họ, tên của tất cả những người sử dụng đất đó trên chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0485831 ngày 09/12/2009 mang tên cá nhân cụ Phù Thị M là chưa đầy đủ người sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, năm 2010 cụ M đã thực hiện việc chuyển quyền một phần thửa đất cho ông Vũ Văn M1 và bà Phan Thị L; năm 2011, thực hiện chuyển quyền sử dụng một phần đất cho bà Phan Thị L. Như vậy, căn cứ điểm dkhoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 không thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ M vì người sử dụng đất đã thực hiện chuyển chuyển sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vũ Văn M1 và bà Phan Thị L năm 2010. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng kỷ phần cụ D để lại là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư 17/2009/TT-BTNMT. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho ông Vũ Văn M1, bà Phan Thị L, diện tích cụ M chuyển quyền là 445m^2 (2 thửa đất), tại buổi làm việc ngày 15/11/2017, cụ M thống nhất phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ trong khối tài sản chung về đất của vợ chồng cụ chuyển quyền cho ông M1, bà L. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện giữ nguyên kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn M1 và bà Phan Thị L tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn YT.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L, mặc dù không có văn bản phân chia di sản thừa kế phần đất của ông D để lại theo mẫu; tuy nhiên, tại hồ sơ có biên bản họp gia đình thể hiện nội dung thống nhất của cụ M và 4/6 người con của cụ D, cụ M về việc chuyển quyền một phần diện tích đất cho bà L. Ngày 03/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 cho bà Phan Thị L tại thửa đất số 52 (tách từ thửa 37), tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 (phần diện tích này ít hơn kỷ phần mà 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật được hưởng trong phần đất của chồng cụ M để lại và đã được thống nhất tại cuộc họp gia đình ngày 27/5/2011). Ủy ban nhân dân huyện giữ nguyên kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059. Đối với phần diện tích 181,6m^2 trong thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn YT diện tích 890,5m^2 hiện tại chưa thực hiện thủ tục cấp đổi, vẫn mang tên cụ Phù Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Phù Thị M trình bày: Cụ và cụ Phan Văn D, sinh được 07 người con gồm: Phan Văn Giá mất khi mới được 8 tháng tuổi, Phan Thị T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị H, Phan Thị L, Phan Thị L. Vợ chồng cụ có một thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 890,5m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT năm 1985 chồng cụ qua đời không để lại di chúc. Sau khi chồng cụ qua đời thì cụ được Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A048583 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 890,5m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên cụ là Phù Thị M. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ cho con gái Phan Thị L 445m^2 đất trống để sinh sống ổn định lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L, Vũ Văn M1. Hiện nay, trên diện tích đất cho L thì đã được L xây dựng nhà và các công trình phụ, ốt kinh doanh kiên cố hết phần diện đất đã cho; diện tích 445,5m^2 đất còn lại và căn nhà ba gian hiện cụ đang sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, ngày 15/7/2011 cụ lúc này đã già, yếu nên đã bị các con là Phan Thị T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị L lừa dối, tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho Phan Thị L 263,9m^2 trong phần đất cụ đang ở, phần còn lại làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ. Cuộc họp này không có sự tham gia của Phan Thị H và Phan Thị L; Phan Thị L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích

263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên Phan Thị L. Phan Thị H làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế phần của chồng cụ là Phan Văn D cho các đồng thừa kế theo pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên Phan Thị L cụ đồng ý. Trong phần tài sản chung của vợ chồng cụ, riêng phần tài sản của cụ thì cụ đã cho Phan Thị L 445m^2 và bây giờ cụ cũng không thay đổi. Cụ có nguyện vọng lấy đất, cụ sẽ trả tiền chênh lệch phần đất của các đồng thừa kế và yêu cầu trích đất trong phần di sản thừa kế cho cụ đã có công quản lý, tôn tạo từ năm 1985 cho đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ Anđã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 50, Điều 135, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 659 Bộ luật dân sự 1995; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia thừa kế là ngôi nhà cấp 4 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An của bà Phan Thị H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Phan Văn D là diện tích 445,5m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện Yên Thanh, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L và quyết định số 3303/QĐ.UBND ngày 07/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc rút quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phan Thị L.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn YT do Ủy ban nhân dân huyện YT cấp cho bà Phù Thị M và quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4251/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 cho bà Phù Thị M.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 445 m^2 mang tên bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1.

5. Phân chia di sản thừa kế của ông Phan Văn D là 445,5 m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An theo pháp luật.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị H, Phan Thị L cho bà Phù Thị M.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị L, Phan Thị T3 cho bà Phan Thị T, Phan Thị C.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H, tự nguyện tháo dỡ phần móng nhà do bà H xây dựng tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

Giao cho bà Phù Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 314,2m^2, có giá trị 1.097.980.000 (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông G đất bà Phan Thị Tuyếtcó kích thước10,67m + 1,40m + 2,99m + 2,04m;

Cạnh phía Tây G mương đê sông Dinh có kích thước 1,61m + 4,99m

Cạnh phía Nam G phần đất được giao cho bà Phan Thị T, Phan Thị C, có kích thước 26,42m;

Cạnh phía Bắc G phần đất của ông Nguyễn Công Ân, có kích thước 11,96m + 9,93m + 12,64m; (Có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Phan Thị T, bà Phan Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 131.3m^2, có giá trị 852.800.000 (Tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông G đất bà Phan Thị Tuyếtcó kích thước5,0m;

Cạnh phía Tây G mương đê sông Dinh có kích thước 5,0m

Cạnh phía Nam G đất bà Phan Thị L, có kích thước 26,16m;

Cạnh phíaBắc G phần đất giao cho bà Phù Thị M, có kích thước 26,42m;(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Phan Thị L bàn giao phần tài sản được chia cho bà Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C.

Bà Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C có trách nhiệm, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục để được cấp đổi Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định vềán phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Phù Thị M kháng cáo đề nghị được trích trả công sức bảo quản, tôn tạo di sản bằng ½ di sản của cụ D để lại trước khi chia thừa kế theo pháp luật.

Ngày 15/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T, bà Phan Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 30/QĐKNPT-VC1-DS đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị C, bà Phan Thị T và người đại diện theo ủy quyền của cụ Phù Thị M có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và quyết định giữ nguyên Kháng nghị số 30/QĐKNPT-VC1-DS ngày 05/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của cụ M yêu cầu trích công sức bằng ½ di sản của cụ D để lại; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, bà C yêu cầu phần đất được hưởng của cụ M phải chia cho bà L vì cụ M đã cho bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnhNghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Phan Thị H và yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C:

[2.1] Xác định di sản thừa kế: Căn cứ hồ sơ vụ án cùng lời khai thống nhất của các đương sự thì thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích là 890,5m^2 có nguồn gốc của cụ Phan Văn D và cụ Phù Thị M. Ngày 04/6/1985, cụ Phan Văn D chết không để lại di chúc. Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 có tổng diện tích là 890,5m^2 cho cụ Phù Thị M.Năm 2010, cụ Phù Thị M chuyển nhượng một phần thửa đất cho con gái Phan Thị L và con rể Vũ Văn M1. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 được tách thành 02 thửa là thửa 37 diện tích 445,5 m^2 và thửa 51 diện tích 445m^2. Ngày 11/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 đối với diện tích 445m^{2}thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT cho bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1.Năm 2011, cụ Phù Thị M chuyển nhượng một phần đất trong thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 445,5m^2 cho bà Phan Thị L (con gái cụ M). Thửa đất số 37 được tách thành 02 thửa là thửa 52 diện tích 263,9m^2 và thửa 37 diện tích 181,6m^2. Cụ M làm thủ tục chuyển quyền thửa đất số 52 cho con gái là bà Phan Thị L. Ngày 03/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT cho bà Phan Thị L.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại buổi làm việc ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT và Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2019 (BL 99,100) cụ M khẳng định phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng là 445,0m^2, cụ đã chuyển nhượng cho ông M1, bà L theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 601 và được Ủy ban nhân dân thị trấn YT chứng thực ngày 27/7/2010 (BL 110-114). Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện YT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phan Thị L và Vũ Văn M1 ngày 01/10/2011. Hiện nay, vợ chồng bà L, ông M1 đã xây dựng nhà ở, ki ốt kinh doanh và sinh sống ổn định trên thửa đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như đơn kháng cáo, cụ M vẫn giữ nguyên ý kiến cho vợ chồng bà L, ông M1 phần tài sản là quyền sử dụng ½ diện tích đất 445m^2 tại thửa số 37, tờ bản đồ số 4. Việc cụ M tự định đoạt tài sản của mình trong khối tài sản chung của cụ D và cụ M là không vi phạm pháp luật và không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác.

Đối với việc Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 với diện tích 263,9m^2, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT cho bà Phan Thị L theo Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và bà L. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:Ngày 15/7/2011, cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị L tổ chức họp gia đình với nội dung cho bà Phan Thị L ½ diện tích đất trong tổng số 445,5m^2, phần còn lại làm giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho cụ M.Tuy nhiên, Hợp đồng tặng cho và đơn xin cấp của bà L nộp Ủy ban nhân dân huyện YT lại là 263,9m^2. Mặt khác, cuộc họp gia đình ngày 15/7/2011 không có sự tham gia của hai đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D là bà Phan Thị H và bà Phan Thị L là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ;do đó, Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 không có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, cụ M cho rằng các bà L, T, C và T3 đã lừa cụ để ký vào thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Phan Thị L. Mặt khác, thời điểm chuyển nhượng cụ M không có quyền tự định đoạt đối với khối di sản chưa chia nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và bà L vô hiệu. Hiệncụ M còn sống và có quyền tự định đoạt khối tài sản của mình; cụ M khẳng định không cho bà L phần thừa kế của mình và có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật để làm nơi thờ tự.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần di sản thừa kế của cụ D để lại là 445,5m^2 (bao gồm thửa đất số 52 diện tích 263,9m^2 và thửa đất số 37 diện tích 181,6m^2) là có căn cứ. Từ đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C và bà T về việc đề nghị xác định toàn bộ thửa đất có diện tích 890,5m^{2}là tài sản riêng của cụ D và chấp nhận 1 phần yêu cầu bà C và bà T về việc chia di sản thừa kế của cụ D là ½ thửa đất có diện tích 445,5 m^2 là đúng pháp luật.

[2.2] Xác định hàng thừa kế:

Cụ Phan Văn D chếtkhông để lại di chúc, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng quy định. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Văn D gồm: Cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị H, bà Phan Thị L, bà Phan Thị L.

[2.3] Về phân chia di sản: Di sản thừa kế của cụ D để lại là 445,5m^2 (bao gồm thửa đất số 52 diện tích 263,9m^2 và thửa đất số 37 diện tích 181,6m^2).

Tại biên bản định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản như sau:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 181,6m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Phù Thị M, giá đất 1.300.000 đồng/m^2. Thành tiền: 1.300.000 đồng x 181,6m^2 = 236.080.000 đồng.

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 có diện tích 263,9m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L, giá đất 6.500.000 đồng/m^2. Thành tiền: 6.500.000 đồng x 263,9m^2 = 1.715.350.000 đồng.

Tổng giá trị di sản 445,5m^2 đất là: 1.951.430.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cụ Phù Thị M đề nghị Tòa án trích một phần công sức tôn tạo, bảo quản di sản trước khi thực hiện chia di sản cho các đồng thừa kế. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp quy định pháp luật nên

đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Hồ sơ vụ án thể hiện, cụ M sinh sống trên thửa đất từ khi kết hôn với cụ D, sau khi cụ D chết cụ M tiếp tục sinh sống trên thửa đất đó đến nay.Như vậy, cụ M đã có công sức lớn trong việc giữ gìn, bảo quản, làm cho khối di sản không bị M một, mất mát theo thời gian và có công sức tôn tạo, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, cụ M cũng là người thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm đối với Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cần trích phần công sức cho cụ M khoảng gần ¼ giá trị di sản là 458.380.000 tương đương với 181,6m^2 (trị giá 236.080.000 đồng) tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 và 34,2m^2 đất (trị giá 222.300.000 đồng) tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 là hợp tình, hợp lý.

Diện tích còn lại là 229,6m^2 tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 trị giá 1.492.400.000 đồng được chia thành 07 suất thừa kế gồm: Cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị H, bà Phan Thị L, bà Phan Thị L. Mỗi suất thừa kế có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị H, bà Phan Thị L tự nguyện nhường lại phần di sản được hưởng cho cụ Phù Thị M. Bà Phan Thị L tự nguyện nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Phan Thị T; bà Phan Thị T3 tự nguyện nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Phan Thị C và các bà L, T3, T, C thống nhất giao quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị T, bà Phan Thị C. Xét thấy, việc các đồng thừa kế khác nhường phần thừa kế của mình là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị H xuất trình tài liệu là Biên bản đàm thoại gia đình ngày 30/12/1995 với thành phần tham gia gồm: Bên nhà gái cụ Phù Thị M, ông Phan Văn Khiêng, ông Phan Văn Ngữ, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C; Bên nhà trai: Bà Nguyễn Thị Hiệp (mẹ ông M1), Nguyễn Văn Sinh (anh đầu ông M1), Vũ Văn Tín. Nguyên đơn cho rằng cụ M đã tặng cho toàn bộ tài sản riêng trong khối tài sản chung cho bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1.Biên bản này thể hiện ý chí của bà T, bà C nhất trí cho toàn bộ tài sản củacụ D, cụ M cho bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1, nên đề nghị Hội đồng xét xử chia phần bà T, bà C được hưởng di sản của cụ D cho bà L.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Văn bản ngày 30/12/1995 không thể hiện rõ tài sản nhà cửa, đất đai mà các bên bàn bạc là tài sản nào, vị trí, tứ cận, diện tích như T nào. Mặt khác, tại thời điểm này cụ D đã chết không để lại di chúc, các con của cụ D chỉ có bà L, bà T, bà C tham gia họp và ký vào văn bản, còn bà L, bà T3, bà H không ký vào văn bản; nay bà T3, bà L không đồng ý với nội dung văn bản này, vì vậy văn bản này không phải là giấy tờ hợp pháp về thừa kế. Bên cạnh đó, năm 2010cụ M đã lập hợp đồng tặng cho ½ diện tích thửa đất cho ông M1 và bà L, ông M1 và bà L đều thống nhất ký vào hợp đồng không có ý kiến gì, đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ½ thửa đất, điều đó thể hiện các bên đã không thừa nhận nội dung văn bản này. Do đó, không có cơ sở chấp

nhận ý kiến của bà H về việc chia phần bà T, bà C được hưởng di sản của cụ D cho bà L.

Sau khi nhận phần tặng cho của bà Phan Thị H, bà Phan Thị L thì cụ Phù Thị M được hưởng thừa kế như sau:

- Tiền trích công sức 458.380.000 đồng tương đương với 181,6m^2 (trị giá 236.080.000 đồng) tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 và 34,2m^2 (trị giá 222.300.000 đồng) tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4.

- 01 suất thừa kế của cụ M được hưởng của cụ D có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà H được hưởng của cụ D nhường lại có diện 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà L được hưởng của cụ D nhường lại có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

Tổng diện tích đất cụ M được hưởng là 314,2m^2, có giá trị 1.097.980.000 (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng.

Sau khi nhận phần tặng cho của bà Phan Thị L và bà Phan Thị T3 thì bà Phan Thị T và bà Phan Thị C được hưởng thừa kế như sau:

- 01 suất thừa kế của bà C được hưởng của cụ D có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà T được hưởng của cụ D nhường lại có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà T3 được hưởng của cụ D nhường lại có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà L được hưởng của cụ D nhường lại có diện tích 32,8m^2, trị giá 213.200.000 đồng.

Tổng diện tích đất bà Phan Thị T và bà Phan Thị C được hưởng là 131,2m^2, có giá trị 852.800.000 (Tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm ngàn) đồng.

[2.4] Đối với các tài sản trên đất: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2019 thể hiện: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 có diện tích 181,6m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Phù Thị M, có 02 ngôi nhà cấp bốn (01 nhà chính 03 gian và 01 nhà bếp).Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 có diện tích 263,9m^2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L, tài sản trên đất có 01 móng nhà do bà Phan Thị H xây và một phần ngôi nhà chính của cụ Phù Thị M.Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đề nghị chia thừa kế đối với ngôi nhà cấp bốn, các đương sự thống nhất không đề nghị giải

quyết đối với tài sản trên đất là nhà cấp bốn của cụ M do nhà đã quá cũ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.Đối với phần móng nhà do bà H xây dựng tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An, tại phiên tòasơ thẩm bà Phan Thị H thỏa thuận tự tháo dỡ, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện tháo dỡ phần móng nhà của bà H là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt của các đương sự:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L của bà Phan Thị H, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C.

Ngày 15/7/2011, bà Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị L tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho bà Phan Thị L 263,9m^2 đất. Biên bản họp gia đình có sự tham gia của xóm trưởng, bí thư xóm và xác nhận của UBND thị trấn YT (BL 11). Tuy nhiên, cuộc họp gia đình này không có sự tham gia của hai đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụD là bà Phan Thị H và bà Phan Thị L, là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 không có hiệu lực pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện YT đã căn cứ vào Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L là vi phạm quy định của Luật đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L và Quyết định số 3303/QĐ.UBND ngày 07/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc rút quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phan Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, thị trấn YT do Ủy ban nhân dân huyện YT cấp cho cụ Phù Thị M của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C:

Hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất là đất thổ cư của cha ông để lại cho vợ chồng cụ Phan Văn D, cụ Phù Thị M;cụ Dchết năm 1985, trước khi chết không để lại di chúc.Năm 2007, thực hiện chủ trương lập hồ sơ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân Thị trấn YT đã tổ chức xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phù Thị M. Sau khi cụ Phù Thị M thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất, ngày 09/12/2009 UBND huyện YT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 người sử dụng đất là cụ Phù Thị M, thường trú xóm 1, Thị trấn YT, huyện YT tại thửa 37, tờ bản đồ số 4, Thị trấn YT, diện tích 890.5m^2. Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP tại Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 về trường hợp nhiều người thuộc hàng thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật khi đã xác định được đầy đủ những người được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật thì phải ghi họ, tên của tất cả những người sử dụng đất đó trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 09/12/2009 mang tên cá nhân cụ Phù Thị M là chưa đầy đủ người sử dụng đất theo quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, không đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T, bà Phan Thị C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, thị trấn YT do Ủy ban nhân dân huyện YT cấp cho cụ Phù Thị M và quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4251/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 cho cụ Phù Thị M.

[3.3] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 445,5m^2 mang tên bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1 của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C:

Căn cứ vào hồ vụ án và lời khai của các đương sự thì tài sản chung của cụ D và cụ M là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 890,5m^2, tại xóm 1 (nay là khối 4) tại thị trấn YT, huyện YT, tỉnh nghệ An. Quá trình giải quyết vụ án, cụ Phù Thị M khẳng định phần đất thuộc quyền sử dụng của Cụ trong khối tài sản chung vợ chồng là 445m^2, cụ đã chuyển nhượng phần đất này cho ông M1, bà L theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 601, được Ủy ban nhân dân thị trấn YT chứng thực ngày 27/7/2010 (BL 110-114). Hiện nay, vợ chồng bà L, ông M1 đã xây dựng nhà ở, ki ốt kinh doanh và sinh sống ổn định trên thửa đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ M vẫn giữ nguyên ý kiến cho vợ chồng bà L, ông M1 phần tài sản là quyền sử dụng ½ diện tích đất thửa số 37, tờ bản đồ số 4 có diện tích 445m^2.Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện YT cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 445m^2 mang tên bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1 là đảm bảo đúng trình tự, quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C.

[4] Xét kháng cáo của cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C và Kháng nghị số 30/QĐKNPT-VC1-DS ngày 05/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

[4.1] Cụ Phù Thị M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho cụ phần công sức tôn tạo, bảo quản di sản bằng ½ giá trị di sản thừa kế: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy,cụ M sinh sống trên thửa đất từ khi kết hôn với cụ D, sau khi cụ D chết cụ M tiếp tục sinh sống trên thửa đất đó đến nay. Cụ M có công sức lớn trong việc giữ gìn, bảo quản, tôn tạo, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất và là người thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm đối với Nhà nước. Tuy nhiên, theo lời khai của các đương sự thì nguồn gốc đất là của cha ông, tổ tiên để lại nên việc cụ M sinh sống trên thửa đất do tổ tiên để lại cũng là được hưởng H lợi từ việc sử dụng di sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và trích phần công sức cho bà M khoảng gần ¼ giá trị di sản là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của cụ Phù Thị M.

[4.2] Bà Phan Thị T và bà Phan Thị C kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị chia thừa kế di sản của cụ D để lại là toàn bộ thửa đất diện tích 890,5m^2; không đồng ý với phần trích công sức cho cụ M bằng gần ¼ giá trị di sản thừa kế; nếu phải chia 445,5m^2 là di sản thừa kế thì đề nghị Tòa án chia cho bà L được quyền sử dụng ½ giá trị di sản theo Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011; đề nghị Tòa án giải quyết cho các bà L, T, C, T3 được phụng dưỡng cụ M do cụ M tuổi cao, sức yếu. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và bà C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng M1 cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế, quyết định trích trả công sức cho cụ M và thực hiện chia thừa kế theo pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật và hợp tình, hợp lý. Đối với kháng cáo đề nghị giải quyết cho các bà L, T, C, T3 được phụng dưỡng cụ M thì thấy: Hiện nay, cụ M còn sống và đủ năng lực hành vi để tự quyết định việc sống chung với người con nào của Cụ. Mặt khác, theo hồ sơ vụ án thể hiện các bà L, T, C, T3 đều đã đi lấy chồng và kể từ khi đi lấy chồng thì sinh sống ở địa chỉ khác, không sống cùng cụ M, chỉ có bà Phan Thị L là con gái út hiện sống gần cụ M nhất. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C.

[4.3] Kháng nghị số 30/QĐKNPT-VC1-DS ngày 05/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm công nhận Hợp đồng chuyển nhượng đất từ cụ M sang vợ chồng ông M1, bà L, nhưng lại xác định Hợp đồng tặng cho từ cụ M sang bà L với diện tích 263,9m^2 không có hiệu lực toàn bộ và quyết định giao cho cụ M phần di sản được hưởng của cụ D là không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Bản án sơ thẩm không tuyên cụ M, bà T, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được nhận từ các bà H, L, T3, L là vi

phạm quy định pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn những vi phạm về cách tuyên gây khó khăn cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử thấy, năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện YT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 263m^2, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT cho bà Phan Thị L căn cứ vào Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và bà L. Tuy nhiên, tại Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 chỉ có cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị L tham gia, không có sự tham gia của hai đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D là bà Phan Thị H và bà Phan Thị L là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Thời điểm năm 2011, cụ M không có quyền tự định đoạt đối với khối di sản của cụ D khi chưa có văn bản phân chia di sản hợp pháp. Do đó, Biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 không có hiệu lực pháp luật, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và bà L vô hiệu. Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ M cho rằng các bà L, T, C và T3 đã lừa cụ để ký vào thủ tục chuyển nhượng đất cho bà L. Mặt khác, cụ M hiện còn sống và có quyền quyết định đối với khối tài sản của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của cụ M cho rằng cụ M có ý kiến là không cho bà L phần thừa kế của mình và có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trả cho cụ M phần được hưởng di sản của cụ D là phù hợp, đúng pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm các bà H, L, T3, L tự nguyện nhường phần thừa kế của mình cho cụ M, bà T, bà C. Do cụ M, bà T, bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên miễn án phí cho cụ M, bà T, bà C là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định chấp nhận sự tự nguyện nhường phần thừa kế của các bà H, L, T3, L cho cụ M, bà T, bà C, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc cụ M, bà T, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các phần thừa kế được nhận từ các bà H, L, T3, L là vi phạm Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy vi phạm này có thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ M, bà T, bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Do bà H, bà L nhường lại phần thừa kế của mình cho cụ M nên cụ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà H, bà L được hưởng với số tiền 21.320.000 đồng.

- Do bà Lnhường lại phần thừa kế của mình cho bà T nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà L được hưởng với số tiền 10.660.000 đồng.

- Do bà T3 nhường lại phần thừa kế của mình cho bà C nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà T3 được hưởng với số tiền 10.660.000 đồng.

[5.2] Án phídân sự phúc thẩm: Do cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị Clà người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H yêu cầu Tòa án định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất và đã chi phí hết 2.500.000 đồng, bà H đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc cụ M, bà T, bà C, bà T3, bà L, bà L phải chịu chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ tương ứng với suất thừa kế được hưởng. Bà H thỏa thuận chịu phần chi phí cho cụ M, bà L, nên phải chịu 1.071.000 đồng (đã nộp), bà T, bà C, bà T3, bà L mỗi người phải hoàn trả cho bà H số tiền 357.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C; chấp nhận một phần Kháng nghị số 30/QĐKNPT-VC1-DS ngày 05/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 50, Điều 135, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 659 Bộ luật dân sự 1995; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654 Bộ

luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia thừa kế là ngôi nhà cấp 4 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An của bà Phan Thị H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Phan Văn D là diện tích 445,5m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện Yên Thanh, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L và quyết định số 3303/QĐ.UBND ngày 07/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện YT về việc rút quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phan Thị L.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn YT do Ủy ban nhân dân huyện YT cấp cho cụ Phù Thị M và Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4251/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 cho cụ Phù Thị M.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị T, bà Phan Thị C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn YT, huyện YT với diện tích 445m^2 mang tên bà Phan Thị L và ông Vũ Văn M1.

5. Phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Văn D là 445,5m^2 tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An theo pháp luật.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị H, Phan Thị L cho cụ Phù Thị M.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị L, Phan Thị T3 cho bà Phan Thị T, Phan Thị C.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H, tự nguyện tháo dỡ phần móng nhà do bà H xây dựng tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An.

- Giao cho cụ Phù Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 314,2m^2, có giá trị 1.097.980.000 (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông G đất bà Phan Thị Tuyếtcó kích thước10,67m + 1,40m + 2,99m + 2,04m;

Cạnh phía Tây G mương đê sông Dinh có kích thước 1,61m + 4,99m

Cạnh phía Nam G phần đất được giao cho bà Phan Thị T, Phan Thị C, có kích thước 26,42m;

Cạnh phía Bắc G phần đất của ông Nguyễn Công Ân, có kích thước 11,96m + 9,93m + 12,64m; (Có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Phan Thị T, bà Phan Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 131,3m^2, có giá trị 852.800.000 (Tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn YT, huyện YT, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông G đất bà Phan Thị Tuyếtcó kích thước5,0m;

Cạnh phía Tây G mương đê sông Dinh có kích thước 5,0m

Cạnh phía Nam G đất bà Phan Thị L, có kích thước 26,16m;

Cạnh phíaBắc G phần đất giao cho cụ Phù Thị M, có kích thước 26,42m;(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Phan Thị L bàn giao phần tài sản được chia cho cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C.

Cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C có trách nhiệm, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Phù Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà H, bà L được hưởng với số tiền 21.320.000 đồng.

- Bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà L được hưởng với số tiền 10.660.000 đồng.

- Bà Phan Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với suất thừa kế mà bà T3 được hưởng với số tiền 10.660.000 đồng.

- Bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 14.300.000 (Mười bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017 0000965 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí phúc thẩm: Cụ Phù Thị M, bà Phan Thị T, bà Phan Thị C được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

III. Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị H phải chịu 1.071.000 (Một triệu, không trăm bảy mươi mốt ngàn) đồng (đã nộp), bà Phan Thị T, bà Phan Thị C, bà Phan Thị T3, bà Phan Thị L mỗi người phải hoàn trả cho bà H số tiền 357.000 (Ba trăm năm mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HCTP, HSVA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Cường Hồ Sỹ Hưng	**Lê Thị Thúy Bình**